

TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI

TỈNH BÌNH PHƯỚC NĂM 2023

1. Tăng trưởng kinh tế

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) năm 2023 (theo giá so sánh 2010): sơ bộ đạt 54.894,50 tỷ đồng, tăng 8,34% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 10,25%, đóng góp 3,21 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,12%, đóng góp 2,26 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 8,34%, làm tăng 2,75 điểm phần trăm và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 2,98%, làm tăng 0,12 điểm phần trăm.

Về cơ cấu tổng sản phẩm trong năm, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 22,97% GRDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 41,80%; khu vực dịch vụ chiếm 31,59%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 3,64% (cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2022 là: 23,16%; 42,18%; 30,82%; 3,84%).

GRDP bình quân đầu người đạt 93,94 triệu đồng/người/năm, tăng 9,54% so với cùng kỳ năm 2022.

2. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn năm 2023 đạt 12.259,19 tỷ đồng, trong đó thu nội địa đạt 10.904,80 tỷ đồng, chiếm 88,95% trong tổng thu, thu hải quan đạt 1.354,39 tỷ đồng, chiếm 11,05%.

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2023 đạt 14.068,00 tỷ đồng, trong đó chi đầu tư phát triển đạt 7.035,64 tỷ đồng, chiếm 50,01% trong tổng chi, chi thường xuyên đạt 7.022,81 tỷ đồng, chiếm 49,92%.

3. Đầu tư

Tổng vốn đầu tư năm 2023 theo giá hiện hành đạt 33.459,04 tỷ đồng, so với GRDP bằng 35,25%, tăng 10,75% so với cùng kỳ, bao gồm: Vốn khu vực Nhà nước 5.859,02 tỷ đồng, chiếm 17,51%, giảm 31,18%; khu vực ngoài

Nhà nước 21.539,84 tỷ đồng, chiếm 64,38%, tăng 23,88%; khu vực đầu tư nước ngoài 6.060,18 tỷ đồng, chiếm 18,11%, giảm 40,62% so cùng kỳ.

Về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, toàn tỉnh có 48 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 739,23 triệu USD, tăng 37,14% về số dự án và tăng 529,67% về số vốn đăng ký so với năm trước. Trong đó có 23 dự án đến từ Trung Quốc, với số vốn đăng ký 605,54 triệu USD; Thái Lan 13 dự án, với số vốn đăng ký 46,69 triệu USD; Seychelles 2 dự án, với số vốn đăng ký 41 triệu USD; Singapore 3 dự án, với số vốn đăng ký 26,50 triệu USD.

Theo lĩnh vực đầu tư, ngành công nghiệp chế biến chế tạo với 36 dự án, vốn đầu tư 717,54 triệu USD, chiếm 97,07% tổng vốn đăng ký cấp mới; Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản vốn đầu tư 21,69 triệu USD, chiếm 2,93%.

4. Tình hình đăng ký kinh doanh

Tính chung năm 2023, trên địa bàn tỉnh có 1.064 doanh nghiệp đăng ký thành lập, với số vốn đăng ký là 14.602,27 tỷ đồng; số doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc hoạt động trở lại là 345 doanh nghiệp; số doanh nghiệp đăng ký giải thể là 111 doanh nghiệp; số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng là 452 hồ sơ.

5. Bảo hiểm

Năm 2023, toàn tỉnh có 165.473 người tham gia bảo hiểm xã hội, tăng 11.031 người, tăng 7,14% so với năm 2022; bảo hiểm y tế 955.102 người, tăng 28.891 người, tăng 3,12% so với năm 2022; bảo hiểm thất nghiệp 141.683 người, tăng 6.941 người, tăng 5,15% so với năm 2022.

Tổng thu bảo hiểm năm 2023 đạt 3.992,60 tỷ đồng, tăng 364,68 tỷ đồng, tăng 10,05% so với năm 2022, trong đó: bảo hiểm xã hội đạt 2.729,70 tỷ đồng tăng 196,36 tỷ đồng, tăng 7,75%; bảo hiểm y tế đạt 1.068,69 tỷ đồng, tăng 99,49 tỷ đồng, tăng 10,27%; bảo hiểm thất nghiệp đạt 194,21 tỷ đồng, tăng 68,83 tỷ đồng, tăng 54,89% so với năm 2022.

Tổng số chi bảo hiểm năm 2023 đạt 2.629,92 tỷ đồng, tăng 224,69 tỷ đồng, tăng 9,34% so với năm 2022, trong đó: bảo hiểm xã hội đạt 1.916,00 tỷ đồng, tăng 256,50 tỷ đồng, tăng 15,46%; bảo hiểm y tế đạt 489,71 tỷ đồng,

giảm 38,17 tỷ đồng, giảm 7,23%; bảo hiểm thất nghiệp đạt 224,22 tỷ đồng, tăng 6,37 tỷ đồng, tăng 2,92% so với năm 2022.

6. Kết quả sản xuất, kinh doanh một số ngành, lĩnh vực

- Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản lượng lương thực có hạt toàn tỉnh năm 2023 đạt 52,422 nghìn tấn, tăng 2,295 nghìn tấn, tăng 4,58% so với năm 2022.

Năm 2023, diện tích rừng trồng mới tập trung là 905 ha, giảm 15,66% so cùng kỳ; Sản lượng gỗ khai thác đạt 68.176m³, bao gồm: rừng tự nhiên 0 m³; rừng trồng 68.176 m³. Hiện trạng rừng có đến 31/12/2023: 155.173,54 ha, giảm 0,40% so cùng kỳ.

Sản lượng thủy sản năm 2023 đạt 2.115 tấn, giảm 6,66% so cùng kỳ, trong đó sản lượng cá 2.115 tấn. Bao gồm: sản lượng thủy sản khai thác 28 tấn, chiếm 13,24% tổng số, giảm 15,66% so cùng kỳ; sản lượng thủy sản nuôi trồng 1.835 tấn, chiếm 86,76% tổng số, giảm 5,12% so cùng kỳ.

- Công nghiệp

Chỉ số sản xuất của toàn ngành công nghiệp (IIP) năm 2023 tăng 9,40% so với năm 2022, trong đó: ngành khai khoáng tăng 11,52%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,71%; ngành sản xuất, phân phối điện, nước đá tăng 2,79%; ngành khai thác, xử lý và cung cấp nước tăng 0,72%. Các ngành công nghiệp chủ lực trên địa bàn tỉnh tiếp tục có sự tăng trưởng.

- Chỉ số giá

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12 năm 2023 tăng 0,42% so với tháng trước, tăng 4,01% so với tháng 12 năm 2022, trong đó khu vực thành thị tăng 0,38% và tăng 4,12%; khu vực nông thôn tăng 0,43% và tăng 3,97%. Bình quân năm 2023 tăng 4,44% so với năm 2022.

- Thương mại - Vận tải

Năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 77.795,3 tỷ đồng, tăng 18,25% so với năm trước. Xét theo ngành kinh doanh: bán lẻ hàng hóa đạt 63.350,6 tỷ đồng, chiếm 81,43% tổng mức, tăng

15,79% so với năm trước; dịch vụ lưu trú và ăn uống đạt 7.324,0 tỷ đồng, chiếm 9,41% và tăng 15,30%; du lịch lữ hành đạt 15,7 tỷ đồng, tăng 57,00%; dịch vụ khác đạt 7.105,0 tỷ đồng, chiếm 9,14% và tăng 50,68% so với năm trước; Năm 2023, số lượng siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh là 7 đơn vị; tổng số chợ là 58 chợ, trong đó: loại 1 là 4 chợ, loại 2 là 8 và loại 3 là 46 chợ.

Vận tải hành khách năm 2023 đạt 6.825,27 nghìn người, tăng 90,72% so với năm 2022 và đạt 1.465,26 triệu người.km, tăng 73,97%. Vận tải hàng hóa năm 2023 đạt 1.927,14 nghìn tấn, tăng 32,08% so với năm 2022 và 264,88 triệu tấn.km, tăng 36,20%.

7. Tình hình về xã hội

- Dân số, lao động và việc làm

Dân số trung bình năm 2023 của tỉnh Bình Phước đạt 1.045.490 người, tăng 10.823 người, tương đương tăng 1,01% so với năm 2022, bao gồm dân số thành thị 307.375 người, chiếm 29,40%; dân số nông thôn 738.115 người, chiếm 70,60%; dân số nữ 518.670 người, chiếm 49,61%.

Năm 2023, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cả tỉnh đạt 603.046 người, tăng 117 người so với năm 2022. Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hàng năm phân theo loại hình kinh tế năm 2023 đạt 587.424 người, giảm 4.141 người so với năm 2022.

Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi năm 2023 là 2,79%, trong đó khu vực thành thị 2,60%, khu vực nông thôn 3,01%. Tỷ lệ thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi là 3,53%, trong đó khu vực thành thị là 1,77%; khu vực nông thôn 4,26%.

- Trật tự an toàn xã hội

Trong năm 2023, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 335 vụ tai nạn giao thông, làm 226 người chết, 154 người bị thương. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông năm 2023 tăng 103,03%; số người chết tăng 69,92%; số người bị thương tăng 49,51%.

Năm 2023, số vụ cháy, nổ trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 20 vụ cháy, tăng 185,71% so với cùng kỳ, làm 0 người chết, 0 người bị thương; giá trị thiệt hại ước 14,83 tỷ đồng.

Nhìn chung: Trong bối cảnh khó khăn, thách thức nhiều hơn thời cơ, thuận lợi cả ở trong và ngoài nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chủ động, quyết liệt tập trung chỉ đạo, ban hành nhiều cơ chế, chính sách trên tất cả các lĩnh vực để duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng, tháo gỡ các điểm nghẽn của nền kinh tế. Nhiều chính sách thiết thực, thể hiện tinh thần sẵn sàng đồng hành, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân đã được chỉ đạo triển khai, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, thúc đẩy hoạt động tăng trưởng kinh doanh sớm phục hồi và phát triển; Trên địa bàn tỉnh Bình Phước, thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã kịp thời chỉ đạo các ngành, các cấp, các tổ chức đoàn thể quyết tâm ngăn chặn, đẩy lùi, vượt qua khó khăn, phát triển kinh tế - xã hội ổn định, hoàn thành tốt nhiệm vụ với mức tăng trưởng khá cao.

Tình hình sản xuất trồng trọt tương đối ổn định, công tác phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng được thực hiện kịp thời; chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh tuy có tăng nhưng không ổn định và chưa theo quy chuẩn chặt chẽ, còn mang tính tự phát, lệ thuộc vào nhiều cơ chế thị trường, giá sản phẩm chăn nuôi thường xuyên biến động, giá thức ăn cao làm cho người dân chăn nuôi nhỏ lẻ không đạt hiệu quả kinh tế, có hộ ngưng nuôi hoặc không mở rộng quy mô nuôi.

Sản xuất công nghiệp tiếp tục duy trì nhịp độ tăng trưởng khá, cùng với sự phát triển doanh nghiệp cả về số lượng và chất lượng đi đôi với việc thực hiện tốt mục tiêu kiềm chế lạm phát và nhu cầu tiêu dùng, sức mua của xã hội.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội, công tác giải quyết việc làm và đào tạo nghề đạt chỉ tiêu đề ra; công tác an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo được các cấp các ngành và toàn xã hội quan tâm; công tác văn hoá xã hội có nhiều hoạt động thiết thực; chất lượng giáo dục tiếp tục được nâng lên; công tác khám chữa bệnh vẫn được duy trì tốt; công tác chăm lo cho đồng bào dân tộc thiểu số luôn được quan tâm.

OVERVIEW ON SOCIO-ECONOMIC SITUATION IN BINH PHUOC IN 2023

1. Economic growth

The gross regional domestic products (GRDP) in 2023 (at constant 2010 price) preliminarily reached 54,894.50 billion VND, an increase of 8.34% compared to that in 2022. Of which, the agriculture, forestry and fishery sector increased by 10.25%, contributing 3.21 percentage points to overall growth rate; the industry and construction sector grew up 7.12%, contributing 2.26 percentage points; the service sector increased by 8.34%, increasing 2.75 percentage points; the product taxes less subsidies on productions increased by 2.98%, increasing 0.12 percentage points.

In terms of economic structure in 2023, the agriculture, forestry and fishery sector accounted for 22.97% of GRDP; the industry and construction sector shared 41.80%; the service sector made up 31.59% and the product taxes less subsidies on productions made up 3.64% (the corresponding structure of the same period in 2022 was: 23.16%; 42.18%; 30.82%; 3.84%).

GRDP per capita reached 93.94 million VND/person/year, an increase of 9.54% compared to that in 2022.

2. Revenues and expenditures of the state budget

Total state budget revenue in 2023 reached 12,259.19 billion VND, of which: domestic revenue was 10,904.80 billion VND, making up 88.95% of the total revenue, the customs revenue reached 1,354.39 billion VND, accounting for 11.05%.

Total local budget expenditure in 2023 reached 14,068.00 billion VND, of which expenditures on development investment reached 7,035.64 billion VND, making up 50.01% of the total expenditure, frequent expenditure reached 7,022.81 billion VND, accounting for 49.92%.

3. Investment

Total investment in 2023 at current prices reached 33,459.04 billion VND, equally 35.25% of GRDP, an increase of 10.75% compared to 2022, of which: the state sector's investment was 5,859.02 billion VND, accounting for 17.51%, decreasing by 31.18%; the non-state sector's investment achieved

21,539.84 billion VND, accounting for 64.38%, increasing by 23.88%; the FDI sector's investment was 6,060.18 billion VND, accounting for 18.11%, decreasing by 40.62% compared to 2022.

Regarding foreign direct investment attraction,, in 2023, the province had 48 newly licensed projects with registered capital of 739.23 million USD, increasing 37.14% in the number of projects and 529.67% in registered capital compared to the previous year. Of which, there were 23 projects from China, with registered capital of 605.54 million USD; 13 projects from Thailand, with registered capital of 46.69 million USD; 2 projects from Seychelles, with registered capital of 41 million USD; 3 projects from Singapore, with registered capital of 26.50 million USD.

By investment items, the manufacturing had 36 projects, with the investment capital of 717.54 million USD, accounting for 97.07% of total newly registered capital; the agriculture, forestry and fishery activities gained 21.69 million USD, accounting for 2.93%.

4. Registration of enterprises

In Binh Phuoc province, the number of newly established enterprises in the year was 1,064 enterprises, with a registered capital of 14,602.27 billion VND; the number of re-operating enterprises and affiliated units was 345; the number of enterprises registered for dissolution was 111; the number of enterprises registered to temporarily suspend was 452.

5. Insurance

In 2023, the province had 165,473 people participated in social insurance, increasing by 11,031 people, an increase of 7.14% compared to 2022; 955,102 people joined in health insurance, increasing by 28,891 people, an increase of 3.12% compared to 2022; 141,683 people engaged in unemployment insurance, increasing by 6,941 people, an increase of 5.15% compared to 2022.

Total insurance revenue in 2023 reached 3,992.60 billion VND, an increase of 364.68 billion VND, increasing by 0.05% compared to 2022, of which: social insurance reached 2,729.70 billion VND, an increase of 196.36 billion VND, up 7.75%; health insurance reached 1,068.69 billion VND, up 99.49 billion VND, up 10.27%; unemployment insurance reached 194.21 billion VND, an increase of 68.83 billion VND, up 54.89% compared to 2022.

Total insurance expenditure in 2023 reached 2,629.92 billion VND, an increase of 224.69 billion VND, up 9.34% compared to 2022, of which: social insurance reached 1,916.00 billion VND, up 256.50 billion VND, up 15.46%; health insurance reached 489.71 billion VND, down 38.17 billion VND, down 7.23%; unemployment insurance reached 224.22 billion VND, up 6.37 billion VND, up 2.92% compared to 2022.

6. Production results in some fields, activities

- The agriculture, forestry and fishery

The province's cereal production in 2023 reached 52.422 thousand tons, up 2.295 tons, up 4.58% compared to 2022.

In 2023, the newly concentrated planted forest area was 905 ha, a decrease of 15.66% over the same period last year; wood production reached 68,176 m³, including: natural forest with 0 m³; plantation forest with 68.176 m³. Forest status as of December 31, 2023: 155,173.54 ha, down 0.40% over the same period last year.

Fishery production in 2023 reached 2,115 tons, down 6.66% over the same period, including fish production was 2,115 tons. Of which: catching production was 28 tons, accounting for 13.24% of the total, down 15.66% over the same period; aquaculture production was 1,835 tons, accounting for 86.76% of the total, down 5.12% over the same period last year.

- Industry

The production index of the whole industry (IIP) in 2023 increased by 9.40% compared to 2022, of which: the mining and quarrying increased by 11.52%; the manufacturing increased by 9.71%; the production and distribution of electricity and ice increased by 2.79%; the water exploitation, treatment and supply increased by 0.72%. The key industries in the province continued to have good growth rate.

- Price Index

The consumer price index (CPI) in December 2023 increased by 0.42% compared to the previous month, increased by 4.01% compared to December 2022, of which the urban area increased by 0.38% and 4.12%; the rural areas increased by 0.43% and 3.97%, respectively. The average consumer price index in 2023 increased by 4.44% compared to 2022.

- Trade - Transport

In 2023, the total retail sales of consumer goods and services was estimated at 77,795.3 billion VND, up 18.25% over the previous year. By economic activities: retail sales reached 63,350.6 billion VND, accounting for 81.43% of the total, up 15.79% over the previous year; accommodation and food services reached 7,324.0 billion VND, accounting for 9.41% and increasing by 15.30%; travel and tourism reached 15.7 billion VND, up 57.00%; other services reached 7,105.0 billion VND, accounting for 9.14% and increasing by 50.68% over the previous year; In 2023, the number of supermarkets and trade centers in the province was 7; the total number of markets was 58 markets, of which: type 1 was 4 markets, type 2 was 8 markets and type 3 was 46 markets.

Passengers transport in 2023 reached 6,825.27 thousand passengers, an increase of 90.72% compared to 2022 and 1,465.26 million passengers.km, an increase of 73.97%. Freight transport in 2023 reached 1,927.14 thousand tons, up 32.08% compared to 2022 and 264.88 million tons.km, up 36.20%.

7. Social issues

- Population, labor and employment

The average population in 2023 in the province reached 1,045,490 persons, an increase of 10,823 persons, equivalent to a rise of 1.01% compared to that in 2022, of which: urban population was 307,375 persons, accounting for 29.40%; rural population was 738,115 persons, accounting for 70.60%; the female population was 518,670 persons, accounting for 49.61%.

In 2023, the province's labor force aged 15 and over reached 603,046 people, an increase of 117 people compared to 2022. Laborers aged 15 and over working in economic sectors in 2023 reached 587,424 people, a decrease of 4,141 people compared to 2022.

The unemployment rate of the labor force in the working age in 2023 was 2.79%, of which these rates of urban and rural areas were 2.60% and 3.01%, respectively. The underemployment rate of the labor force in the working age was 3.53%, of which the urban area was 1.77%; rural area was 4.26%.

- Social order and safety

In 2023, there were 335 traffic accidents in the province, killing 226 people and injuring 154 people. Compared to the same period last year, the

number of traffic accidents in 2023 increased by 103.03%; the number of deaths increased by 69.92%; the number of injured people increased by 49.51%.

In 2023, the whole province had 20 cases of fires, increased by 185.71% over 2022, no one died or injured; the total damage value was estimated at 14.83 million VND.

Generally: In a context where difficulties and challenges outweigh opportunities and advantages both at home and abroad, the Government and the Prime Minister had proactively and drastically focused on directing and promulgating many mechanisms and policies on all aspects, all fields to maintain macroeconomic stability, promote growth, and remove bottlenecks in the economy. Many practical policies, demonstrating the spirit of willingness to accompany and support businesses and people, had been directed to be deployed, speeding up implementation progress, promoting business growth to soon recover and develop; In Binh Phuoc province, following the direction of the Politburo, the Secretariat and the Government, the Provincial Party Committee and the Provincial People's Committee promptly directed branches, levels, mass organizations to determine to prevent and push reverse, overcome difficulties, develop socio-economic stability, fulfill tasks well with relatively high growth rate.

The situation of crop production was relatively stable, the prevention of plant diseases and pests was carried out in a timely manner; Although livestock and poultry production in the province increased, it was not stable and not according to strict standards, it was spontaneous, depended on many market mechanisms, the prices of livestock products often fluctuated, high feed prices made small-scale farmers not economically viable, some households stopped raising or did not expand their farming scale.

Industrial production continued to maintain a good growth rate, along with the development of enterprises in both quantity and quality coupled with the well implementation of the goal of controlling inflation and consumer demand and purchasing power of the society.

In the socio-cultural fields, job creation and vocational training achieved the set targets; social security, hunger eradication and poverty reduction were concerned by all levels of sectors and the whole society; social and cultural work had many practical activities; the quality of education continued to be improved; medical examination and treatment was still well maintained; Care for ethnic minorities was always paid attention to.